



Filettatura:
NPT

Thread:
NPT

TN 93 NPT

- Raccordo di estremità diritto
- Male Stud Couplings

Serie Series	Ø Tubo Tube O.D. d ₁	PN	Ø F2	I	L	L1	L2	CH1	CH2	Simbolo di ordinazione - Part. No.3,4		Peso - Weight kg. x100 P.	
										Completo Complete	Solo corpo Only body	Completo Complete	Solo corpo Only body
LL	4	100	1/8"	10	18	8	12	10	11	TN 93 - 4 LLNPT	TS 93 - 4 LLNPT	1,4	1,0
	5		1/8"	10	18	6,5	12	12	11	TN 93 - 5 LLNPT	TS 93 - 5 LLNPT	1,5	0,9
	6		1/8"	10	18	6,5	12	12	11	TN 93 - 6 LLNPT	TS 93 - 6 LLNPT	1,5	0,9
	8		1/8"	10	20	8,5	12	14	12	TN 93 - 8 LLNPT	TS 93 - 8 LLNPT	1,7	1,0
L	6	315	1/8"	10	23	7	14	14	12	TN 93 - 6 LNPT	TS 93 - 6 LNPT	2,3	1,2
	6		1/4"	15	24	8	15	14	17	TN 93 - 6 LNPT 1/4"	TS 93 - 6 LNPT 1/4"	3,7	2,6
	8		1/4"	15	25	8	15	17	17	TN 93 - 8 LNPT	TS 93 - 8 LNPT	4,2	2,5
	8		3/8"	15	26	9	16	17	19	TN 93 - 8 LNPT 3/8"	TS 93 - 8 LNPT 3/8"	5,5	3,8
	10		1/4"	15	26	9	16	19	17	TN 93 - 10 LNPT	TS 93 - 10 LNPT	4,5	2,5
	10		3/8"	15	27	10	17	19	19	TN 93 - 10 LNPT 3/8"	TS 93 - 10 LNPT 3/8"	5,9	3,8
	10		1/2"	20	27	10	17	19	22	TN 93 - 10 LNPT 1/2"	TS 93 - 10 LNPT 1/2"	8,7	6,7
	12		1/4"	15	27	10	17	22	19	TN 93 - 12 LNPT 1/4"	TS 93 - 12 LNPT 1/4"	5,8	3,0
	12		3/8"	15	27	10	17	22	19	TN 93 - 12 LNPT	TS 93 - 12 LNPT	6,3	3,6
	12		1/2"	20	27	10	17	22	22	TN 93 - 12 LNPT 1/2"	TS 93 - 12 LNPT 1/2"	8,9	6,3
	15		3/8"	15	29	11	18	27	24	TN 93 - 15 LNPT 3/8"	TS 93 - 15 LNPT 3/8"	9,6	5,1
	15		1/2"	20	29	11	18	27	24	TN 93 - 15 LNPT	TS 93 - 15 LNPT	11,2	6,6
	18		1/2"	20	31	11,5	19	32	27	TN 93 - 18 LNPT	TS 93 - 18 LNPT	13,4	7,0
	18	160	3/4"	20	32	11,5	19	32	32	TN 93 - 18 LNPT 3/4"	TS 93 - 18 LNPT 3/4"	18,1	11,4
	22		3/4"	20	33	13,5	21	36	32	TN 93 - 22 LNPT	TS 93 - 22 LNPT	18,8	9,9
	28		1"	25	34	14,5	22	41	41	TN 93 - 28 LNPT	TS 93 - 28 LNPT	27,7	17,0
	35		1 1/4"	26	39	14,5	25	50	46	TN 93 - 35 LNPT	TS 93 - 35 LNPT	41,2	26,0
	42		1 1/2"	26	42	16	27	60	55	TN 93 - 42 LNPT	TS 93 - 42 LNPT	58,3	34,8
S	6	630	1/4"	15	28	12	19	17	17	TN 93 - 6 SNPT	TS 93 - 6 SNPT	5,3	3,4
	8		1/4"	15	30	13	20	19	17	TN 93 - 8 SNPT	TS 93 - 8 SNPT	6,0	3,7
	10		1/4"	15	31	12,5	20	22	19	TN 93 - 10 SNPT 1/4"	TS 93 - 10 SNPT 1/4"	7,5	4,3
	10		3/8"	15	31	12,5	20	22	19	TN 93 - 10 SNPT	TS 93 - 10 SNPT	8,1	4,8
	12		1/4"	15	33	14,5	22	24	22	TN 93 - 12 SNPT 1/4"	TS 93 - 12 SNPT 1/4"	9,5	5,9
	12		3/8"	15	33	14,5	22	24	22	TN 93 - 12 SNPT	TS 93 - 12 SNPT	9,8	6,2
	12		1/2"	20	33	14,5	22	24	22	TN 93 - 12 SNPT 1/2"	TS 93 - 12 SNPT 1/2"	12,0	8,3
	14		1/2"	20	37	16	24	27	24	TN 93 - 14 SNPT	TS 93 - 14 SNPT	14,5	8,9
	16	400	1/2"	20	37	17,5	26	30	27	TN 93 - 16 SNPT	TS 93 - 16 SNPT	16,3	9,4
	20		3/4"	20	42	17,5	28	36	32	TN 93 - 20 SNPT	TS 93 - 20 SNPT	26,0	14,8
	25		1"	25	47	18	30	46	41	TN 93 - 25 SNPT	TS 93 - 25 SNPT	47,5	26,2
	30		1 1/4"	26	50	19,5	34	50	46	TN 93 - 30 SNPT	TS 93 - 30 SNPT	61,1	37,5
	38	315	1 1/2"	26	57	22	38	60	55	TN 93 - 38 SNPT	TS 93 - 38 SNPT	90,0	56,3

– Le dimensioni di ingombro si intendono a raccordo chiuso.
– Overall sizes are with closed fitting.

– Per ordinare i raccordi in ACCIAIO INOX (AISI 316) sostituire nel codice di ordinazione la lettera "T" con la lettera "I"
– To order stainless steel fittings (AISI 316), replace the letter "T" with the letter "I"